

CON CHIM HÁN HỌC CUỐI MÙA Ở NGÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ

Nguyễn Văn Sâm



Hai nhà văn Sơn Nam (trái) và Nguyễn Văn Sâm
(ảnh 6-2006)

Thích thú khi kỷ niệm tưởng chừng đã bị phủ kín dưới tầng tầng lớp lớp thời gian bỗng được phép màu khơi dậy cuộn cuộn tuôn về không thể kềm chế, lúc tôi nhìn thấy lại hai câu đối ngày nào trước cổng trường.

Cám ơn bạn bè đã giữ được trong trí tình chất tư tưởng của vị thầy tôi kính mến. Cám ơn anh em cùng chung mái trường thuộc những thế hệ khác nhau, giờ lạc lõng quê người, cùng nhau hội lại, đã giúp tôi cố dịp đào xới những gì đã vùi chôn trong ký ức.

Tôi đọc câu đối bằng trí nhớ “*Khổng Mạnh cương thường tua khắc cốt, Âu Tây khoa học yếu minh tâm*” khi những cảm tưởng về nơi mình từng học đang được tiếp nối phát biểu thật cảm động trên sân khấu! Anh ngồi gần ngời sáng ánh mắt, rung động vì thời trai trẻ

hiện về. Em nào đó lăm nhăm cố ghi nội dung ẩn tàng trong các chữ thật bình thường trước mặt.

Hình ảnh vị giáo sư vỡ lòng tôi chữ Hán hơn ba thập niên trước hiện rõ ràng trong trí. Vị thầy một niên khóa xa xưa người học trò một đời chịu ảnh hưởng. Vị thầy khuất núi từ lâu người trò như còn mơ hồ nghe đâu đây lời giáo huấn.

Thầy tôi, giáo sư Ưng Thiều, vị giáo sư già, người thầy trẻ trảng rớt rơi lại của giai đoạn Hán học cuối mùa, một thời nặng nợ trường ốc, khổ tâm với “*điều trủng*”, “*trường quy*” năm đó lạc lõng giữa đám học trò nhìn chuyện xưa như những điều kỳ dị, ngô nghê, cổ hủ.

Ánh mắt thầy không vừa ý khi có đứa đưa đầu kêu thầy bằng ông nội, cử-chỉ ngừng giảng của thầy biểu lộ sự thất vọng khi thấy cả lớp có độ hơn mười đứa thì hầu như đủ chục “*cúi đầu bái thiên địa*” khi thầy giảng điều hay ho trong *Ngọc tỉnh liên phú*, trong *Chí linh sơn phú* hay ngâm nga *xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã*...

Có thể trong những đứa ngủ gục nhiều nhứt có tôi, có thể trong những đứa phá thầy nổi tiếng có tôi, không nhớ rõ; chỉ biết giờ này nhiều khi buồn tình đọc lại cổ văn bí lối, tôi tiếc ngẩn tiếc ngơ... Nhưng làm sao kéo được thời gian trở về? Vị thầy cũ, con yển muộn màng của Mùa Xuân Hán học đã không còn nữa. Mùa Xuân đó cũng đã trôi qua theo dòng liên tục của thời gian miên viễn, lấp chìm trong sự tiến hóa tất nhiên của đời, của đất nước. Và chính học trò mình cũng đã quên trong bao nhiêu năm tháng chạy theo ảo ảnh phù du mà gọi bằng thực tế ao cơm.

Cách học trò năm mươi tuổi, thầy tôi da mặt nhăn nheo theo sự tàn phá của thời gian, luôn luôn sừng sỉnh trong bộ quần áo rộng thùng thình, đôi giày da màu nâu to lớn, đôn đốc từng đứa sổ phải ngay, ngang phải thẳng, đá phải sắc. Thầy nhắc chừng đứa này viết trái cựa, đứa kia viết thiếu nét, nhận xét tập nào viết như gà bới, cua bò, tập nào dơ như nhai mà nhả. Thầy luôn luôn bận rộn, khuyên nhủ, canh chừng, khuyến khích, trái hẳn với những bức tranh thầy đồ dạy học với ông thầy già ngồi hút thuốc lào, cây roi mây cột to tướng cạnh bên, anh lớn dạy trò nhỏ, mạnh ai nấy ê a, học cách nào cũng được sự đóng góp của thầy có tính cách xúc tác hơn tác dụng. Nhiều lúc thầy tôi đứng cạnh một anh học trò giỏi giảng thêm về *khí*, về *lực*, về *thần* trong cách viết chữ Nho, chúng tôi cố vánh tai nghe lén nhưng, độ hiểu, mức thâm, lòng *thích* thật vô cùng ít ỏi...

Chúng tôi ai nấy ham vui, chênh mảng, cố tìm lý chứng biện minh cho sự lười biếng của mình, rồi ngày tháng trôi qua, 214 bộ của chữ Hán như 214 vũ khí quay quần tấn kích chúng tôi, không một anh nào thuộc hết, không một anh nào nhớ rõ bộ nào trước đó chưa từng gặp. Người xưa học một biết mười, thơ phú, văn từ mây trôi nước chảy, chúng tôi học trăm điều chưa chắc nhớ một, lẽ què mấy chữ, xọ nọ qua kia, tác thành tộ, ngộ thành quá, mã thành yên, lộn tùng phèo, rồi nhui mớ bông bong. Thầy tôi, thầy Ưng Thiều, không có trách nhiệm gì hết trong sự dốt nát đó của học trò. Lỗi chúng tôi, chút nằng quá chiều hôm Hán học không soi đủ hang tối dốt nát, u mê trẻ lười. Lời giảng thiết tha như nhỏ máu từ con tim, có thể tác dụng như “mổ óc nhét vào” của thầy, hiệu quả với ai chứ không đủ sức rửa được sự u trệ của những đầu óc non nớt ham vui. Có thể chúng tôi lúc đó còn thơ dại, những con chim chưa đủ lông cánh, chưa đứng vững trên đôi chân mình,

trí tuệ nào để hiểu hết lời thầy nói. Có thể hình thù chữ Hán hiện ra ngay từ phút đầu đã là con ngáo ộp biến hóa khiến ai cũng ngán ngẩm bút lông và sợ hãi trước những nét đá, phết, ngang sổ xa lạ. Trường hợp tôi là một điển hình. Đầu vào lớp Đệ Thất từ một lớp Nhứt của trường danh tiếng ở Sài Gòn, ngôi trường mang tên người đồng thời với Sĩ Tãi Trương Vĩnh Ký, và cũng nổi tiếng nhờ viết lách như ông: Thế Tãi, Trương Minh Ký, tôi cũng là một đứa nhỏ ham chơi chưa có ý thức được sự cần thiết phải học hướng chỉ sự quan trọng của chữ Hán! Ghi học Hán văn vì ở nhà lúc đó không biết do ai mua, lang thang mấy cuốn Minh Tâm Bảo Giám, mấy cuốn kinh, vài cuốn Tứ thư do học giả Đoàn Trung Còn dịch, có in chữ Hán kèm theo, buồn tình tôi đọc tới đọc lui đã thuộc được một số mặt chữ. Bước vào thực tế tôi mới thấy biết vài ba chữ học lóm không đầy lá mít của mình là đương đầu không biết người biết ta với con-ngáo-ộp-biến-hóa-thiên-hình-vạn-trạng-ba-đầu-sáu-tay-mười-hai-con-mắt là chữ Hán.

Sau vài tháng công lưng mỗi cổ, mỗi tay, tôi chán chi hồ, giả, đã. Tôi tự biện hộ rằng biết nghĩa, biết chuyện xưa tích cũ là đủ, biết mặt chữ Hán cũng vô ích thôi và bắt đầu dòm qua các bạn cùng lứa tay cặp cuốn *Anglais visant* hay *Anglais sans peine* thăm nghĩ rán cho tới hè, rồi năm tới từ giã bút lông, chia tay thứ chữ ngoằn ngoèo xa lạ đó.

Lúc ấy bên ngoài những chiếc tàu Mỹ khổng lồ đang tuôn đổ hàng vạn đồng bào tôi từ xa xăm tới. Tôi lạ lùng với quần áo và tiếng nói của họ, nhưng tôi cũng bị choáng váng vì sự vĩ đại của con tàu nọ bên cạnh những chiếc tàu đi sông đi cận duyên như con voi đứng bên con kiến, nghĩ đến sự văn minh, kỹ thuật, tôi chợt thấy chữ Hán là một cái gì đó lỗi thời, như người tiền sử đứng trước cái máy khâu thanh. Phải học tiếng Anh, tiếng Pháp!

Ngày lại ngày, chiến cụ, súng ống, xe tăng, xe jeep được chở đến chạy rầm rầm, rung rinh thành phố, lay động căn gác nhỏ trong xóm nhỏ nghèo nàn cả gia đình tôi chui rút, trong khi những giọng Anh ngữ rất sang, hứa hẹn những chân trời mới từ các lớp bên cạnh của mấy thầy Sang, Thọ, Khoa, Thái mỗi khi tôi có dịp đi ngang đều đánh rộn ràng tim tôi bằng một sự hấp dẫn khôn cưỡng.

Thêm được học tiếng Anh nhưng thích nghe chuyện thánh hiền, hai đối lực vẫn vật trong tôi suốt mấy tháng trường, cuối cùng hình ảnh thầy Thiệu đã thắng, hằng ngày tôi cùng một số ít ỏi bạn bè chăm chỉ công lưng với môn Hán văn trong khi một phần lớn đã đổi sang Anh ngữ.

Thầy giảng dạy về sự đa nghĩa của tiếng Hán Việt tùy theo cách viết, chữ tân tùy lúc là khách, là mới, là bờ sông, chữ minh tùy lúc là sáng, là tối. Chữ Hán tùy theo bộ thủ mà thay đổi nghĩa, tiếng Việt phần lớn mượn từ tiếng Hán, nên nhờ đó cũng phong phú, đa nghĩa theo. Tôi làm quen với kho tàng ngôn ngữ Việt từ đó.

Thầy tôi giọng trọ trẹ, chúng tôi những đứa nhỏ sanh trường ở Sài Gòn, rất lạ tai với cách phát âm bỏ dấu nặng trên khắp mọi chữ, nhiều khi ngẩn ngơ nhìn nhau lắc đầu. Mặc dầu trong gia đình tôi hết phân nửa sanh trường ở Huế, tôi lấm khi cũng lúng túng không hiểu rõ ràng thầy nói gì. Một vài đứa bạn cùng lớp lần đầu gặp mô, tê, răng, rửa, cào nhào sao trường không mượn một ông thầy *Việt Nam*, thầy Thiệu người Huế nói khó nghe quá. Tôi lờ mờ thấy rằng thầy mình cũng là người Việt Nam nhưng vào lúc đó chưa đủ khả năng để định chính điều sai lầm trầm trọng này. Sau này, một hai năm sau, khi lớn hơn đôi chút biết về cây một gốc Huế-Sài Gòn-Hànội quê hương ta thì thầy không còn dạy nữa. Thầy mất hay về hưu tôi không rõ vì còn mãi mê với những điều khác, chọc thầy Tập Petit Xôi về chuyện chuyên môn đem quyển *Le petit Chose* của Alphonse Daudet ra giảng, kể cho nhau nghe để cùng cười hì hì về chuyện đã qua mặt được thầy Khiêm với những tờ đơn cáo lỗi vắng mặt đứa này viết giùm đứa kia, chuyện hùn tiền mượn ông xích lô già vô gãi đầu gãi tai xin phép vì "con mình" đã bị bệnh nghỉ hết mấy ngày, hoặc rủ những đứa chịu chơi không phải một lớp mà ba bốn lớp lân cận trốn học ngồi lênh khênh đầy rạp hát bóng Nam Việt hay lang thang khắp nơi trong Sở Thú.

Tôi, nghe lời bạn bè, xin đi tiểu, để qua mấy lớp lớn, đi thật chậm hay thập thò vãn tai nghe tiếng được tiếng mất mấy ông Tây bụng phệ các nghĩa bài để rồi ước ao phải chi mình sanh ra trước vài năm, nói tiếng Tây hay như mấy anh, ra đường không sợ ông Tây, bà đầm...

Thầy Thiệu thể hiện một sự dung hợp kỳ diệu giữa Đông Tây. Thời đó rất nhiều giáo sư vào lớp, ngồi yên vị trên ghế, mắt nghiêm khắc đảo qua đảo lại xem học trò có đứng nghiêm hay không, sau khi thấy cả lớp im phăng phắc thầy mới ra lệnh ngồi xuống. Chưa hết, tất cả khoanh tay trên bàn, thầy vừa ý mới cho mở tập ra. Thầy Thiệu không vậy, chờ học sinh ngồi xuống là thầy viết bài trên bảng và bắt đầu giảng. Thầy nói đến sự kính thầy học, nhưng không khúm núm, trọng thầy nhưng không sợ để xa cách, thân nhưng không lờn... Với tôi lúc đó như có điều gì lạ lùng trong mấy khái niệm trên.

(San Antonio, TX 09-82)